

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 25/2019/QĐST-HNGĐ

Quỳnh Lưu, ngày 06 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ các Điều 149, 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Anh Lê Văn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm T, xã QB, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2/ Chị Đậu Thị C, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm V, xã QB, huyện Q, tỉnh Nghệ An

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ việc, anh Lê Văn T và chị Đậu Thị C đều thống nhất trình bày:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Đậu Thị C tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã QB, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 18/5/2016. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau. Ngày 28/02/2017 chị C đã bế con ra Hà Nội làm ăn. Đã nhiều lần anh T và gia đình gọi điện cho chị C khuyên bàn về xây dựng gia đình nhưng chị C không đồng ý.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T và chị C đều xin thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Lê Văn T và chị Đậu Thị C có 01 con chung là Lê Thị Thùy T, sinh ngày 20/01/2017. Ly hôn anh T và chị C thống nhất thỏa thuận giao con chung Lê Thị Thùy T cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 3/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành.

[3] Về tài sản C, nợ C: Anh Lê Văn T và chị Đậu Thị C thống nhất thỏa thuận: Anh T trả lại cho chị C 02 chỉ vàng được quy đổi thành tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng);

Anh T được quyền sở hữu 01 giường, 01 bếp gas và 01 quạt phun sương.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn T thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra anh Lê Văn T và chị Đậu Thị C không yêu cầu Tòa án không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải và đối thoại thành ngày 27 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn T và chị Đậu Thị C.

- Về con C: Giao con chung Lê Thị Thùy T, sinh ngày 20/01/2017 cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Đậu Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 3/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Đậu Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Lê Văn T có nghĩa vụ trả cho chị Đậu Thị C số tiền 7000.000đ (Bảy triệu đồng);

Anh T được quyền sở hữu 01 giường, 01 bếp gas và 01 quạt phun sương.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn T thỏa thuận chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017 0001594 ngày 28/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- CCTHADS huyện Quỳnh Lưu
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã QB, huyện Q;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hồ Đạt Nghiệm